

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2023

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Quang.

Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Trọng Nghĩa** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 406/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2022 về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐ-HPT ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm: 1994, trú tại: đội 9, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Ng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh T, sinh năm: 1984, trú tại: đội 7, thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ trình bày:

Bà Đ và ông T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Q. Vợ chồng sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ăn chơi bài bạc, không lo làm ăn nuôi con, nợ nần chồng chất, ông T sử dụng, buôn bán, tàng trữ ma túy, không quan tâm vợ con, xúc phạm không tôn trọng vợ. Nay bà Đ xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung có 01 cháu tên Huỳnh Anh Kh, sinh năm: 2015. Nếu ly hôn bà Đ yêu cầu được nuôi ccon chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông T trình bày tại hồ sơ:

Về thời điểm vợ chồng chung sống và kết hôn ông T đồng ý như bà Đ đã khai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T đi chấp hành án tại trại giam Bình Điền, Thừa Thiên Huế. Nay ông T đã chấp hành án xong trở về thì bà Đ xin ly hôn nhưng ông T không đồng ý.

Về con chung có 01 cháu tên Huỳnh Anh Kh, sinh năm: 2015. Nếu ly hôn ông T yêu cầu được nuôi cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà là đúng pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên toà mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà Đ ly hôn ông T.

Về con chung: Cả bà Đ và ông T đều yêu cầu được nuôi cháu Kh, tuy nhiên xét thấy cháu Kh có nguyện vọng ở với bà Đ nên để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định bình thường về vật chất lẫn tinh thần cho cháu đề nghị giao cháu Kh cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đ có khả năng kinh tế tự nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên không đề cập xử lý.

Tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh T, sinh năm: 1984, trú tại: đội 7, thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Q. Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có

tranh chấp phải giải quyết là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Đ và ông Huỳnh T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Đ là do ông T ăn chơi bài bạc, không lo làm ăn nuôi con, nợ nần chồng chất; có hành vi vi phạm pháp luật nên vợ chồng hết tình cảm, bà Đ làm đơn yêu cầu ly hôn. Ông T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do ông chấp hành án phạt tù, nhưng không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho bà Đ được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Đ và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Anh Kh, sinh năm: 2015. Cả bà Đ và ông T đều yêu cầu được nuôi cháu Kh. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải đảm bảo sự phát triển ổn định về mặt thể chất và tinh thần cho cháu bé, đối với trẻ trên bảy tuổi cần phải xem xét nguyện vọng của cháu muốn ở với ai. Cháu Kh sinh năm 2015, có nguyện vọng sống cùng bà Đ. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định bình thường về vật chất lẫn tinh thần cho cháu cũng như nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử xét giao cháu Kh cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Đ có đủ khả năng kinh tế để nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Đ về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn ông Huỳnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Kim Đ được ly hôn với ông Huỳnh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Anh Kh, sinh năm: 2015 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi trưởng thành, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Kim Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0011515 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bà Nguyễn Thị Kim Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Huỳnh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Xuân 1;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy